

Bản án số: **47/2024/HS-ST**
Ngày 05 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Ngọc Mạnh
2. Bà Trần Thị Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Phúc – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HS ngày 19/02/2024, đối với các bị cáo:

1. Trương Hoàng T; sinh năm 1993, tại Thành phố Hồ Chí Minh (nơi đăng ký thường trú: B D, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn L (chết) và bà Phan Thị Bích T1; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 25/6/2019, Tòa án Nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số: 94/2019/HS-ST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/10/2020. Chưa thi hành nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Nhân thân:

- Tháng 11/2017, Trưởng Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau.

- Ngày 03/01/2018, Trưởng Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác.

- Ngày 06/12/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường B1, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đưa người vào cơ sở xã hội để quản lý cắt cơn, giải độc, tư vấn tâm

lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/10/2023 đến nay. (có mặt)

2. Nguyễn Quốc H tên gọi khác: Xà Ben); sinh năm 1988 tại Thành phố H cư trú: (nơi đăng ký thường trú: Không có; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc B và bà Lê Thị L1; vợ, con: Chưa có; tiền sự: không;

Tiền án:

- Ngày 16/5/2013, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số: 71/2013/HSST). Ngày 31/10/2014, Tòa án nhân dân Quận 3 xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số: 146/2014/HSST). Tổng hợp hình phạt của 02 bản án là 05 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 07/5/2017.

- Ngày 25/10/2019, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (theo Bản án số: 151/2019/HS-ST). Ngày 11/10/2022, chấp hành xong bản án.

Nhân thân: Ngày 07/6/2008, Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/10/2023 đến nay. (có mặt)

- Bị hại:

1. Anh Đoàn Lê Khánh L2, sinh năm 2002; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: 248 Ấ, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; chỗ ở: 4 D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

2. Anh Trần Khang T2, sinh năm 2003; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: 23/12 C, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: B Ấ, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Võ Tấn S, sinh năm 2003; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: Tổ 8, ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở: B D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Hoàng T và Nguyễn Quốc H có mối quan hệ bạn bè quen biết nhau từ đầu năm 2023. Do muốn có tiền tiêu xài, T và H đã cùng nhau thực hiện nhiều vụ “Trộm cắp tài sản” trên địa bàn Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 00 giờ, ngày 13/9/2023, T rủ H đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp thì H đồng ý. Thực hiện ý định trên, H điều khiển xe Honda Wave màu xanh (không rõ biển số) chở T lưu thông đến trước số D D, Phường A, Quận H rồi dừng xe. H làm nhiệm vụ canh giữ và canh giới còn T tiếp tục đi bộ đến trước khu nhà trọ số D D,

Phường A, Quận H thì nhìn thấy xe mô tô Honda Winner X, màu đen, biển số 67H1-923.30 của anh Đoàn Lê Khánh L2 đang dựng chống nghiêng, không khóa cổ, không người trông coi nên T lén lút dẫn bộ chiếc xe đến chỗ của H. Sau đó, T ngồi lên xe W để cho H điều khiển xe Honda Wave đồng thời dùng chân đẩy xe Winner X đến gửi tại bãi giữ xe địa chỉ số A N, Phường B, Quận H. Đến khoảng 10 giờ, ngày 13/9/2023, H gọi điện thoại hẹn Q (không rõ lai lịch) đến trước bãi xe rồi bán xe trên cho Q với giá 9.000.000 đồng. T và Hoàng chia mỗi người 4.500.000 đồng, đã tiêu xài cá nhân hết. T và H thỏa thuận sau này nếu T trộm được xe máy đem về thì H sẽ gọi điện thoại hẹn Q để T bán xe cho Q rồi chia tiền cho H.

Bị mất trộm tài sản, vào lúc 17 giờ, ngày 29/9/2023, anh Đoàn Lê Khánh L2 đến Công an P, Quận H trình báo vụ việc. Ngày 02/10/2023, Cơ quan cảnh điều tra Công an Q1 ra Yêu cầu định giá tài sản chiếc xe mô tô biển số 67H1-923.30 đến Hội đồng định giá tài sản Quận H. Ngày 02/10/2023, Hội đồng định giá tài sản Quận H ra Kết luận định giá tài sản xác định xe mô tô biển số 67H1-923.30 trị giá 27.900.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 17 giờ 40 phút, ngày 14/9/2023, T đi bộ ngang qua nhà số B A, Phường C, Quận H thì thấy trước nhà dựng 02 chiếc xe mô tô không người trông coi. Thiện lén lút tiếp cận xe mô tô Honda Wave, màu đen, biển số 81B3-332.90 của anh Trần Khang T2 rồi dùng tay và chân bẻ khóa cổ xe, dắt bộ chiếc xe đến trước bãi xe chung cư địa chỉ số A N, Phường B, Quận H. Sau đó liên hệ thuê 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) làm nghề sửa khóa ở vỉa hè gần đó làm chìa khóa xe. Đến 18 giờ 45 phút cùng ngày, T gọi điện thoại cho H nói H gọi điện thoại hẹn Q ra quán cà phê vỉa hè trước số G Q, Phường G, Quận H để bán xe cho Q với giá 2.000.000 đồng. T chia cho H 400.000 đồng, số tiền còn lại T tiêu xài hết.

Bị mất trộm tài sản, vào lúc 22 giờ 50 phút, ngày 14/9/2023, anh Trần Khang T2 đến Công an P1, Quận H, trình báo vụ việc. Ngày 26/9/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q1 ra Yêu cầu định giá tài sản chiếc xe mô tô biển số 81B3-332.90 đến Hội đồng định giá tài sản Quận H. Ngày 28/9/2023, Hội đồng định giá tài sản Quận H ra Kết luận định giá tài sản xác định xe mô tô biển số 81B3-332.90 trị giá 16.011.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 29/9/2023, T đi ngang trước nhà số B D, Phường A, Quận H thì nhìn thấy trước cổng nhà có dựng 01 xe mô tô hiệu Honda Winner, màu xanh bạc đen, biển số 70K1-608.13 của anh Nguyễn Võ Tấn S, xe không có khóa cổ và không người trông coi nên T lén lút tiếp cận, dẫn xe mang đi gửi tại bãi xe chợ R trên đường N, Phường B, Quận H. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, T thuê một người đàn ông hành nghề sửa khóa trên lề đường đến bãi xe làm chìa khóa xe biển số 70K1-608.13. Sau khi làm xong chìa khóa xe, T điều khiển xe biển số 70K1-608.13 qua khu vực đường C, Phường D, Quận H để mua đồ. Khi đến trước số B V, Phường D, Quận H thì T bị chủ xe là anh Nguyễn Võ Tấn S phát hiện giữ lại, trình báo cho Công an P2, Quận H đưa về trụ sở Công an Phường lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q1 thụ lý.

Ngày 30/9/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q1 ra Yêu cầu định giá tài sản chiếc xe mô tô biển số 70K1-608.13 đến Hội đồng định giá tài sản Quận H. Ngày 02/10/2023, Hội đồng định giá tài sản Quận H ra Kết luận định giá tài sản xác định xe mô tô biển số 70K1-608.13 trị giá 21.000.000 đồng. Ngày 28/12/2023 Công an Q1 đã lập biên bản trả lại xe mô tô biển số 70K1-608.13 cho anh Nguyễn Võ Tấn S.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q1, Trương Hoàng T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Ngoài ra, T khai thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản tại Phường D, Quận H. Cụ thể như sau: Vào khoảng 11 giờ 15 phút của một ngày đầu tháng 9/2023 (không rõ ngày), khi đi ngang qua trước số A P, Phường D, Quận H, T nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision (không rõ biển số) dựng sát tường, ngay bên hông căn nhà trên nhưng không người trông coi; T lén lút đi đến dắt bộ chiếc xe dọc theo đường A đến đường C (không nhớ rõ địa điểm cụ thể) thì T thấy 01 người đàn ông chạy xe ba gác thu mua phế liệu nên liên hệ bán chiếc xe vừa chiếm đoạt được với giá 700.000 đồng. Số tiền bán xe T đã tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q1 tiến hành rà soát và đăng báo tìm bị hại nhưng chưa có ai liên hệ trình báo.

Quá trình truy xét, ngày 29/9/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q1 phát hiện Nguyễn Quốc H nên mời H về làm việc và H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Ngoài ra, H còn cho biết xe gắn máy Honda Wave màu xanh (không rõ biển số) do một người tên T3 (không rõ lai lịch, sống lang thang) cho Hoàng M sử dụng vào đầu tháng 9/2023. Đến ngày 15/9/2023, H đã trả xe máy trên cho T3 tại lề đường Phạm H1. Hiện tại, T3 và xe máy trên đang ở đâu thì H không biết. Đồng thời, khi cùng T bán xe gắn máy Honda Winner X, màu đen, biển số 67H1-923.30 và xe gắn máy Honda Wave, màu đen, biển số 81B3-332.90 cho Q thì cả hai không nói rõ nguồn gốc 02 chiếc xe trên cho Q biết.

Vật chứng thu giữ:

- 01 thẻ nhớ màu đen ghi nhận nội dung vụ trộm cắp tài sản ngày 13/9/2023 tại trước số D D, Phường A, Quận H;
- 01 USB ghi nhận nội dung vụ trộm cắp tài sản ngày 29/9/2023 tại trước số B D, Phường A, Quận H;
- 01 xe máy Honda Winner, màu xanh bạc đen, biển số 70K1-608.13. Ngày 28/12/2023, Công an Q1 đã lập biên bản trả lại xe trên cho chủ sở hữu.

Trách nhiệm dân sự: Anh Đoàn Lê Khánh L2 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 28.500.000 đồng, anh Trần Khang T2 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 18.000.000 đồng; anh Nguyễn Võ Tấn S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 24/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo:

- Nguyễn Quốc H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).
- Trương Hoàng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Quốc H và Trương Hoàng T về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Đối với bị cáo Nguyễn Quốc H: Áp dụng các điểm c, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo H từ 03 năm đến 04 năm tù;

- Đối với bị cáo Trương Hoàng T: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo T từ 03 năm đến 04 năm tù;

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 thẻ nhớ màu đen và 01 USB bên trong có lưu trữ dữ liệu hình ảnh liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của các bị hại, buộc các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại cho các bị hại theo mức yêu cầu.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận; các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Các bị cáo Trương Hoàng T và Nguyễn Quốc H đã cùng thực hiện các hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng 00 giờ, ngày 13/9/2023, tại nhà trọ số D D, Phường A, Quận H, các bị cáo Trương Hoàng T và Nguyễn Quốc H lén lút chiếm đoạt của anh Đoàn Lê Khánh L2 01 xe mô tô biển số 67H1-923.30 trị giá 27.900.000 đồng.

- Lần thứ hai: Khoảng 17 giờ 40 phút, ngày 14/9/2023, tại nhà số B A, Phường C, Quận H, bị cáo Trương Hoàng T lén lút chiếm đoạt của anh Trần Khang T2 01 xe mô tô biển số 81B3-332.90 trị giá 16.011.000 đồng.

- Lần thứ ba: Khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 29/9/2023, tại trước nhà số B D, Phường A, Quận H, bị cáo Trương Hoàng T tiếp tục lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Võ Tấn S 01 xe mô tô hiệu Honda Winner, màu xanh bạc đen, biển số 70K1-608.13 trị giá 21.000.000 đồng thì bị phát hiện bắt giữ.

Các bị cáo T và H thỏa thuận và hứa hẹn với nhau, nếu T trộm được xe máy đem về thì H sẽ gọi điện thoại hẹn Q để T bán xe cho Q rồi chia tiền cho H. Mặc dù trong lần phạm tội lần hai (14/9/2023) và lần ba (29/9/2023), H không trực tiếp cùng T thực hiện hành vi trộm cắp nhưng các bị cáo đã hứa hẹn, thống nhất ý chí với nhau từ trước và cùng chia tiền sau khi H giúp T bán chiếc xe trộm cắp lần thứ hai. Trong lần trộm cắp thứ ba, các bị cáo cũng đã hứa hẹn, thống nhất ý chí với nhau từ trước và khi T chuẩn bị mang xe trộm cắp được đến chỗ H để cùng đi bán rồi chia nhau tiền tiêu xài thì T bị bắt giữ cùng vật chứng. Vì vậy, bị cáo H phải cùng chịu trách nhiệm chung với vai trò giúp sức cùng bị cáo T trong hai lần trộm cắp ngày 14/9/2023 và ngày 29/9/2023. Tổng trị giá các tài sản chiếm đoạt của 03 lần là 66.690.000 đồng.

[3] Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Trộm cắp tài sản” như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

*...
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

*...
c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.*

*...
g) Tái phạm nguy hiểm;*

*...
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”*

[4] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ.

Hành vi của bị cáo Trương Hoàng T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trước khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Quốc H đã bị Tòa án nhân dân Quận 8 kết án với tình tiết là “*tái phạm*”, bị cáo chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên lần phạm tội này của bị cáo Nguyễn Quốc H thuộc trường hợp “*tái phạm nguy hiểm*”. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Các bị cáo đã thực hiện ít nhất 02 lần chiếm đoạt tài sản và tài sản mỗi lần chiếm đoạt đều có trị giá “*từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng*”, do đó hành vi của các bị cáo được xác định là “*phạm tội 02 lần trở lên*”, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Bị cáo Trương Hoàng T đã bị Tòa án kết án vào năm 2019, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên lần phạm tội này của bị cáo T thuộc trường hợp “*tái phạm*”. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trương Hoàng T.

[7] Ngoài ra, các bị cáo còn có nhân thân xấu. Bị cáo T từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác, bị đưa người vào cơ sở cai nghiện để quản lý chặt con, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Bị cáo H từng bị bắt về hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử cũng xem xét để có mức hình phạt phù hợp với nhân thân các bị cáo.

[8] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

[10] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp có đồng phạm nhưng mang tính nhất thời, giản đơn. Bị cáo T là người rủ rê, quan sát tìm tài sản và là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản. Bị cáo H là người cảnh giới, giúp sức tích cực. H tìm người để tiêu thụ tài sản sau khi T trộm cắp được và chia nhau tiền tiêu xài. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét, quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, vai trò từng bị cáo.

[11] Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận.

[12] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đoàn Lê Khánh L2 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 28.500.000 đồng. Bị hại Trần Khang T2 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 18.000.000 đồng. Xét thấy, thiệt hại của các bị hại là do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, mức yêu cầu của các bị hại là có cơ sở vì phù hợp với kết quả điều tra, kết luận định giá tài sản. Tại phiên tòa, các bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Thiệt hại của các bị hại là do các bị cáo cùng gây ra nên căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các điều 584, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Tuy nhiên, xét theo mức độ lỗi cũng như việc

hưởng lợi từ hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử buộc các bị cáo bồi thường cho các bị hại với tỷ lệ cụ thể:

- Buộc các bị cáo H, T liên đới bồi thường cho bị hại Đoàn Lê Khánh L2 số tiền là 28.500.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 50% tương ứng số tiền là 14.250.000 đồng.

- Buộc các bị cáo H, T liên đới bồi thường cho bị hại Trần Khang T2 số tiền 18.000.000 đồng. Trong đó, bị cáo T bồi thường số tiền 14.000.000 đồng, bị cáo H bồi thường số tiền 4.000.000 đồng.

Ngoài ra, trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo không thi hành việc bồi thường hoặc thi hành không đầy đủ mức bồi thường kể trên, thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Bị hại Nguyễn Võ Tấn S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Dữ liệu điện tử: 01 thẻ nhớ màu đen và 01 USB bên trong các thiết bị này có lưu trữ dữ liệu hình ảnh liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Xét đây là chứng cứ có giá trị chứng minh tội phạm nên cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[15] Đối với người thanh niên tên Q tiêu thụ tài sản do T và H phạm tội mà có, qua điều tra không xác định được lai lịch, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[16] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điểm c, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2023.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trương Hoàng T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2023.

- Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 357, 468, 584, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Trương Hoàng T và Nguyễn Quốc Hoàng liên Đ bồi thường cho bị hại Đoàn Lê Khánh L2 số tiền là 28.500.000 (hai mươi tám triệu năm trăm ngàn) đồng, tương ứng mỗi bị cáo bồi thường số tiền là 14.250.000 (mười bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Buộc các bị cáo Trương Hoàng T và Nguyễn Quốc Hoàng liên Đ bồi thường cho bị hại Trần Khang T2 số tiền là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng; trong đó, bị cáo T bồi thường số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng, bị cáo H bồi thường số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc H nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 912.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Trương Hoàng T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.412.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Quận 8;
- VKSND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THAHS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc